



MÀNG BITUM - POLYME

ĐÔI NÉT VỀ TẬP ĐOÀN TECHNOMICOL

6500

QUALIFIED EMPLOYEES

64

PRODUCTION SITES

6

R&D CENTERS

30

YEARS ON THE MARKET



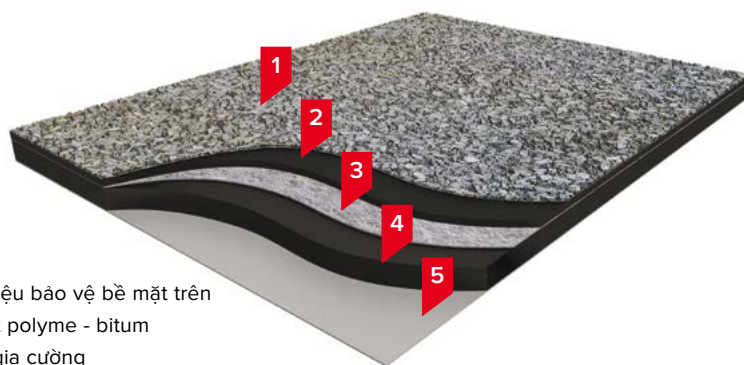
Tập đoàn TECHNOMICOL là nhà sản xuất các loại vật liệu xây dựng và hệ thống công trình đáng tin cậy và hiệu quả hàng đầu trên thế giới. Công ty luôn đem đến những giải pháp công nghệ luôn cải tiến liên tục được tạo ra từ sự kết hợp giữa sự phát triển của những trung tâm nghiên cứu và phát triển sản phẩm độc quyền và những kinh nghiệm thực tiễn quý báu nhất của doanh nghiệp trên thị trường quốc tế. Tập đoàn TECHNOMICOL đã hợp tác với nhiều viện thiết kế và các studio kiến trúc nhằm đáp ứng một cách linh hoạt và nhanh chóng đối với những thay đổi trong nhu cầu của người tiêu dùng.

Chất lượng cao và tính đa dạng trong các đặc tính kỹ thuật và kích thước là điểm đặc trưng để phân biệt đối với những loại sản phẩm của chúng tôi, những điều này cho phép khách hàng tìm được sản phẩm ưng ý nhất về giá cả, cũng như về cả những tính chất vật lý và cơ học của sản phẩm. Ngày nay, TECHNOMICOL đang vận hành sản xuất tại 63 cơ sở sản xuất tại 8 quốc gia, 19 trung tâm đào tạo nghề nghiệp, 6 trung tâm nghiên cứu và phát triển, và 22 văn phòng đại diện tại 18 quốc gia. Những sản phẩm của công ty được vận chuyển đến 116 quốc gia trên toàn thế giới.

NHỮNG ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Chúng tôi không ngừng phát triển và cải tiến. Tất cả những đổi mới của chúng tôi đều nhằm mục đích giảm thiểu những tác động đến môi trường và phát triển thêm các sản phẩm cải tiến mới nhằm giúp ích cho hành tinh của chúng ta và làm cho cuộc sống của mọi người trở nên an toàn và thoải mái hơn.

Năng lực sản xuất và thiết bị của chúng tôi cho phép chúng tôi có khả năng cung cấp các loại vật liệu cho những dự án xây dựng lớn và phát triển các loại sản phẩm độc đáo dựa trên những yêu cầu riêng từ khách hàng. Chúng tôi luôn phát triển các loại vật liệu và giải pháp thi công đáp ứng những xu hướng và nhu cầu trên toàn cầu về mức độ an toàn, tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường.



1. Lớp vật liệu bảo vệ bề mặt trên
2. Hợp chất polyme - bitum
3. Vật liệu gia cường
4. Hợp chất polyme - bitum
5. Lớp vật liệu bảo vệ bên dưới

Những loại vật liệu phổ biến nhất để tạo ra lớp chống thấm cho công trình là các màng vật liệu từ polymer-bitum được sản xuất thông qua phương pháp cán màng. Tính phổ biến này có được do phương pháp thi công tương đối đơn giản, tính phổ biến trong công nghệ, độ bền của vật liệu và tính ổn định của các thông số kỹ thuật đã được thiết lập sẵn trong nhà máy. Những tấm màng bitum polyme thường được sử dụng để chống thấm cho nền móng, kết cấu kỹ thuật, đường xá, mặt cầu và mái bằng. Những vật liệu này cũng có thể được sử dụng như lớp màng lót cho mái nhà dốc và màng ngăn hơi nước.

Những tấm màng polyme-bitum chịu các tác động của nhiều yếu tố có hại đến từ môi trường bên ngoài. Những thay đổi về nhiệt độ xung quanh có thể gây ra những biến dạng cho màng vật liệu và mặt nền được dùng cho thi công. Khả năng chịu được những biến dạng như vậy là đặc tính quan trọng nhất của vật liệu lợp mái và vật liệu chống thấm và nó phụ thuộc vào nhiều thành phần vật liệu được sử dụng trong giai đoạn sản xuất.

HỢP CHẤT POLYME - BITUM

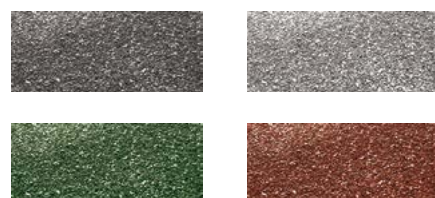
Hợp chất này là hỗn hợp được tạo thành từ công thức hóa học đặc biệt của bitum và các loại polyme. Sự khác biệt chính giữa những loại hợp chất là thành phần polyme được sử dụng:

- **APP** polymer bổ sung thêm khả năng cản dòng giúp cho vật liệu có thể sử dụng được trong điều kiện khí hậu rất nóng.
- **SBS** polymer bổ sung thêm đặc tính về độ mềm dẻo và độ bền chống các tác động về động lực học cho vật liệu.
- Các chất phụ gia đặc biệt giúp ngăn sự phát triển của rễ cây có thể được đưa thêm vào hợp chất polymer-bitum để giúp cho vật liệu có khả năng chống lại sự xâm nhập của rễ cây và đảm bảo về khả năng chống thấm một cách đáng tin cậy trên những mái nhà và nền móng.

qua hình ảnh giúp cho việc thi công bằng phương pháp khô nhiệt trở nên dễ dàng và đáng tin cậy hơn. Lớp phim sẽ được nung chảy trong quá trình gia nhiệt. Vật liệu được gia nhiệt đúng cách khi mà hình ảnh chỉ thị bị biến dạng, nhưng vẫn nhìn thấy được.

- Màng phim polymer không bao gồm các thành phần chỉ thị bằng hình ảnh được sử dụng để làm lớp bảo vệ bề mặt trên cùng của những tấm màng chống thấm và lớp vật liệu lót, được thiết kế để chống thấm cho nền móng và các kết cấu kỹ thuật.
- phim polyme đục lỗ có thể được sử dụng để làm lớp bảo vệ bên dưới nhằm đảm bảo cho việc phân bố các điểm bám dính một cách đồng đều và tăng tốc độ thi công lắp đặt vật liệu.

ĐÁ PHIẾN LỚP



Đá phiến khoáng chất có cỡ hạt lớn với phương pháp xử lý bề mặt bằng lớp phủ kỵ nước đặc biệt giúp bảo vệ vật liệu khỏi bị hư hại bởi bức xạ tử ngoại cực tím trong toàn bộ thời gian sử dụng của màng vật liệu. Nó được áp dụng cho những màng tấm màng cap sheet dùng trong những phương pháp chống thấm hai lớp.

Đá phiến có thể được cung cấp đến khách hàng với nhiều kiểu màu sắc khác nhau, mang đến cái nhìn đẹp mắt về thẩm mỹ. Các loại màu tiêu chuẩn bao gồm xám tự nhiên, đỏ, xanh lá cây và trắng, trong khi các màu khác cũng có sẵn theo yêu cầu từ khách hàng.

VẬT LIỆU GIA CƯỜNG



- **Polyester** mang đến những đặc tính tuyệt vời về độ dẫn dài của vật liệu và mang lại độ bền tối ưu cho vật liệu.
- **Sợi thủy tinh** tăng thêm độ ổn định về kích thước nhưng không mang đến những đặc tính về độ dẫn dài của vật liệu.

MÀNG PHIM POLYME



- Màng phim mỏng từ polyme được sử dụng để bảo vệ lớp bề mặt phía dưới khỏi bị dính trong khi cuộn màng lại. Lớp phim được bao phủ bởi những chỉ thị đặc biệt được thể hiện

BỀ MẶT TỰ DÍNH

Hợp chất polymer-bitum kết dính đặc biệt được sử dụng để sản xuất màng chống thấm tự dính. Hợp chất được phủ một lớp màng phim bảo vệ có thể tháo rời dễ dàng. Vật liệu tự dính giúp thi công nhanh, an toàn và tiết kiệm chi phí, đồng thời không yêu cầu thêm bất kỳ thiết bị và kỹ năng nào. Những vật liệu như vậy cũng có thể được sử dụng trong các điều kiện, khi không được phép thi công bằng phương pháp khô nhiệt tiêu chuẩn.

CÁT HẠT MỊN HOẶC BỘT TAN



Có thể dùng cát hạt mịn hoặc bột tan để phủ lên mặt trên hoặc mặt dưới của màng vật liệu. Loại lớp phủ này cho phép thi công lắp đặt màng vật liệu bằng keo mát tít nóng hoặc lạnh hoặc bằng phương pháp khô lửa.

MÀNG PHỦ ĐẶC BIỆT



Dòng sản phẩm thân thiện với môi trường ENVIRO mang lại tác động tích cực đến môi trường – nhờ bề mặt có các chất phụ gia đặc biệt giúp tinh sạch không khí trong thành phố, tăng hiệu suất sử dụng năng lượng trong các tòa nhà và bảo vệ mái nhà khỏi sự phát triển của rêu mốc. Những vật liệu này là sự kết hợp giữa tính thân thiện với môi trường và các loại công nghệ nhằm cải thiện mức sống và giảm chi phí vận hành của các công trình một cách hiệu quả và thành công. Dòng sản phẩm ENVIRO được tạo ra với sự quan tâm thực sự về tương lai của hành tinh chúng ta.

ÁP DỤNG THI CÔNG BẰNG PHƯƠNG PHÁP KHÒ NHIỆT



1. Bề mặt phải được làm sạch bụi bẩn, mảnh vụn, dầu mỡ, lá cây và không được có kẽ hở, vết nứt hoặc những vật lạ khác. Bề mặt phải được xử lý bằng sơn lót trước khi lắp đặt màng vật liệu chống thấm.
2. Trong quá trình lắp đặt, vật liệu và mặt nền phải được gia nhiệt bằng đèn khô dọc theo toàn bộ chiều rộng của cuộn; vị trí đặt chồng các màng vật liệu phải được gia nhiệt thêm. Trong quá trình lắp đặt màng vật liệu một cách thích hợp, tất cả bề mặt của vật liệu sẽ dính vào mặt nền và bitum bị rì ra ngoài các mép biên của màng khoảng 5–10 mm.
3. Màng cap sheet (đặt trên màng chống thấm) phải được bố trí ở khoảng cách tối thiểu 300 mm tính từ những vị trí đặt chồng các màng lót lên nhau. Thông thường nó được dịch chuyển ở khoảng cách 500 mm (50% chiều rộng của cuộn). Khoảng cách giữa các mép biên khác nhau theo chiều rộng của cuộn ít nhất phải là 500 mm.
4. Sự xếp chồng của các màng vật liệu dọc theo các mối nối theo chiều dài phải là 100 mm. Độ chồng lên nhau được đề xuất khi thi công lắp đặt màng bitum một lớp là 120 mm. Phần chồng lên nhau ở các mép theo chiều rộng của tấm không được nhỏ hơn 150 mm. Chiều dài tối thiểu của cuộn vật liệu có thể được lắp đặt là 1 m.
5. Những người thợ lợp mái phải loại bỏ đá phiến cỡ hạt lớn ở những vị trí mép biên theo chiều rộng của màng cap sheet, do vật liệu này sẽ làm giảm đáng kể độ bám dính của vật liệu. Mặt trên của màng vật liệu (bao gồm đá phiến) phải được gia nhiệt thêm bằng đèn khô ở những nơi có các lớp phủ như vậy. Sau đó, đá phiến sẽ được ép chặt vào bitum bằng cách sử dụng bay trát vật liệu.

ÁP DỤNG THI CÔNG BẰNG KEO MÁT TÍT



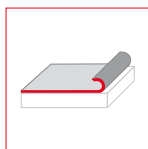
1. Bề mặt phải được làm sạch bụi bẩn, mảnh vụn, dầu mỡ, lá cây và không được có kẽ hở, vết nứt hoặc các vật lạ khác. Bề mặt phải được xử lý bằng sơn lót trước khi thi công bằng keo mát tít.
2. Trát keo mát tít lên bề mặt nền bằng một chiếc bay trát vật liệu đặc biệt theo những đề xuất về độ dày của lớp trát. Nên sử dụng một loại keo mát tít lạnh đặc biệt dùng cho lợp mái, nhưng cũng có thể sử dụng keo mát tít nóng. Keo mát tít nóng dùng cho thi công phải được nung chảy trước ở nhiệt độ 180°C trước khi thi công lên nền.
MỘT ĐIỀU QUAN TRỌNG! Keo mát tít luôn được sử dụng trên bề mặt nền, không phải trên toàn bộ màng vật liệu.
3. Màng vật liệu được cuộn lại phải được lắp đặt trên lớp keo mát tít đã trát trên bề mặt nền để tránh tạo nếp gấp và bọt khí.
MỘT ĐIỀU QUAN TRỌNG! Chỉ những loại vật liệu có lớp phủ bằng cát hạt mịn mới phù hợp để thi công bằng keo mát tít.
4. Trải thẳng màng vật liệu được cuộn lại bằng cách vuốt mịn màng vật liệu thông qua bàn chải để tránh tạo nếp nhăn hoặc bọt khí trên bề mặt vật liệu. Sau đó cố định cuộn vật liệu đã dính hoàn toàn với mặt nền bằng con lăn khối lượng lớn.
5. Dùng con lăn khối lượng lớn ép màng vật liệu dính vào nhau tại vị trí đặt chồng màng lên nhau cho đến khi kéo mát tít chảy ra khỏi mối nối. Keo mát tít nên chảy ra từ vị trí đặt chồng các màng lên nhau khoảng 7–10 mm theo bề rộng để có chất lượng mối nối tốt nhất.

THI CÔNG LẮP ĐẶT MÀNG BITUM MỘT LỚP



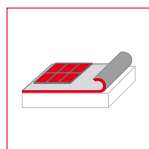
1. Thiết bị hàn tự động như máy hàn Leister Varimat có thể được sử dụng để hàn cố định các vị trí đặt chồng vật liệu lên nhau trong quá trình lắp đặt. Trong trường hợp này, nên chuẩn bị thêm một mảnh kim loại có thể kê được (dùng để kê đầu mô hàn khi bắt đầu tạo đường hàn). Nó sẽ tăng sự thuận tiện và tốc độ thi công. Ở mép của màng tại vị trí bên cạnh các khớp nối, ta không cần thiết đặt xen kẽ mảnh kim loại vào giữa hai màng vật liệu. Phương pháp công nghệ này cũng có thể được sử dụng trong quá trình ứng dụng thi công bằng phương pháp khô nhiệt.
2. Vị trí đặt chồng các màng vật liệu theo chiều dài của màng phải có bề rộng không được nhỏ hơn 120 mm, vị trí đặt chồng các màng vật liệu theo chiều rộng của màng phải có bề rộng là 150 mm. Khoảng cách giữa các vị trí đặt chồng các màng vật liệu xen kẽ (nếu cần) ít nhất phải có bề rộng là 500 mm. Trên một tấm sàn mái định hình, màng một lớp nên được lắp đặt dọc theo các lớp màng sóng hiện trên mặt sàn.
3. Các góc của cuộn vật liệu phải được cắt ở những vị trí có khớp hình chữ T.
4. Cắt góc cho phép nâng cao chất lượng mối hàn và tránh bị thiếu vật liệu hàn ở những vị trí như vậy.
5. Những vị trí không thể hàn bằng thiết bị hàn tự động sẽ được hàn bằng máy khô nhiệt cầm tay.

PHẠM VI ỨNG DỤNG



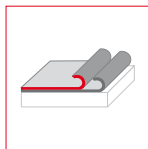
MÀNG CHỐNG THẤM MỘT LỚP

Dùng để chống thấm cho các trung tâm mua sắm, công trình công nghiệp hoặc bất kỳ tòa nhà nào khác có diện tích mái lớn, những vị trí cần rút ngắn thời gian thi công (lắp đặt màng một lớp mất ít thời gian hơn so với hệ thống màng chống thấm hai lớp). Bổ sung thêm kích thước độ dày của màng được yêu cầu khi thi công lắp đặt tấm lợp nhà một lớp.



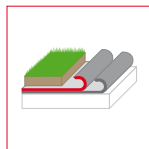
CHỐNG THẤM TRONG NHÀ

Nhóm vật liệu chống thấm này bao gồm các màng tự dính và màng vật liệu có phủ cát hạt mịn ở mặt dưới có thể được dính cố định vào bề mặt của màng bằng keo mát tít để tránh phải nung vật liệu trực tiếp. Nó được sử dụng để chống thấm cho phòng tắm, nhà bếp và các vị trí khác trong nhà, nơi có độ ẩm không khí cao.



MÀNG CAP SHEET

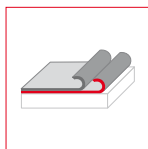
Lớp chống thấm trên cùng đặt trên tấm lợp hai lớp. Nó được sử dụng để chống thấm cho mái bằng của các tòa nhà dân cư, công trình công cộng hoặc công nghiệp. Hệ thống chống thấm hai lớp mang đến độ tin cậy tối ưu cho lớp chống thấm. Mặt trên của màng cap sheet được bảo vệ khỏi tia cực tím (thường được phủ thêm đá phiến cỡ hạt lớn hoặc hạt đá bazan).



MÀNG CAP SHEET DÙNG TRÊN MÁI NHÀ

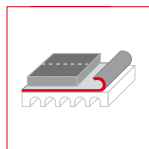
XANH

Lớp chống thấm trên cùng đặt trên tấm lợp nhà với các chất phụ gia đặc biệt giúp ngăn sự phát triển của rễ cây có trong hợp chất polyme-bitum được thiết kế để dùng trong thi công “mái nhà xanh” – một loại mái có đặt giá đỡ chuyên dụng bao gồm cây xanh ở trên.



MÀNG LÓTE

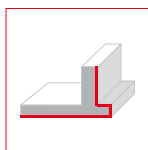
Lớp chống thấm dưới cùng đặt trên tấm lợp hai lớp. Nó được sử dụng để chống thấm cho mái bằng của các tòa nhà dân cư, công trình công cộng hoặc công nghiệp. Hệ thống chống thấm hai lớp mang đến độ tin cậy tối ưu cho lớp chống thấm. Việc sử dụng màng lót cho phép giảm nguy cơ rò rỉ nước từ mái nhà.



CHỐNG THẤM CHO CẦU VÀ ĐƯỜNG

GIAO THÔNG

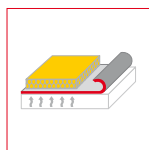
Chống thấm cho mặt sàn của cầu bê tông và cầu thép, cầu vượt, bãi đậu xe và các công trình giao thông khác. Màng chống thấm phải được tăng cường về tính chất vật lý và cơ học của vật liệu để chịu được những chuyển động của đối tượng khi di chuyển trên mặt nền.



NỀN MÓNG VÀ GÓC KHUẤT CỦA NHỮNG

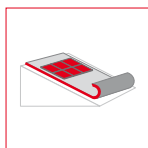
BỨC TƯỜNG NẰM DƯỚI MẶT ĐẤT

Chống thấm cho nền móng, các góc khuất của những bức tường dưới mặt đất và các loại công trình ngầm. Nó bảo vệ công trình khỏi nước ngầm, dòng nước mưa chảy trên mặt đất, lũ lụt, v.v. và tăng tuổi thọ của toàn bộ công trình nói chung.



MÀNG NGĂN HƠI NƯỚC

Màng ngăn hơi nước sử dụng trên mái bằng của các tòa nhà dân cư, công trình công cộng hoặc công nghiệp phù hợp với mọi loại mặt nền – mặt nền bê tông, kim loại, gỗ, v.v. Nó là một thành phần cần thiết để bảo vệ cho lớp cách nhiệt và tấm lợp mái khỏi hơi ẩm hình thành do sự chênh lệch giữa nhiệt độ trong nhà và ngoài trời và độ ẩm không khí.

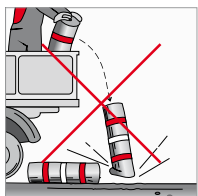
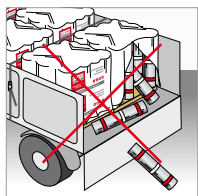
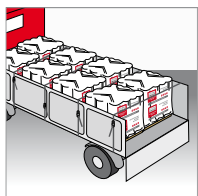


LỚP VẬT LIỆU LÓT ĐẶT TRÊN MÁI NHÀ

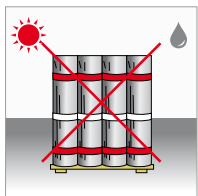
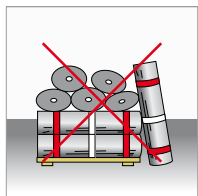
DỐC

Vật liệu lót dùng cho tất cả các loại mái dốc bao gồm lớp phủ bảo vệ bên trên (mái lợp bitum, ngói gốm, tấm lợp kim loại, v.v.).

VẬN CHUYỂN VÀ BẢO QUẢN



- Các cuộn vật liệu phải được vận chuyển trong các phương tiện có thùng hàng kín và đặt ở vị trí thẳng đứng trên một pallet dọc theo 1 hàng.
- Nên dùng dây thừng để buộc chặt pallet nhằm tránh làm hỏng màng.
- Tránh làm rơi hoặc các cú tác động cơ học khác trong quá trình xếp dỡ cuộn vật liệu.



- Màng bảo vệ của cuộn vật liệu không được có hư hỏng sau khi dỡ hàng.
- Các cuộn vật liệu phải được đặt thẳng đứng trên pallet dọc theo 1 hàng.
- Cấm đặt cuộn vật liệu ở vị trí nằm ngang.
- Bảo vệ các cuộn vật liệu khỏi tác động trực tiếp từ tia UV và độ ẩm.
- Giữ khoảng cách tối thiểu khoảng 1 m tính từ bất kỳ nguồn phát nhiệt.

REFERENCES



Sochi, Russia
FISHT CENTRAL OLYMPIC STADIUM



Jakarta, Indonesia
CIBIS TOWER



Bangkok, Thailand
SINGAPORE INTERNATIONAL SCHOOL



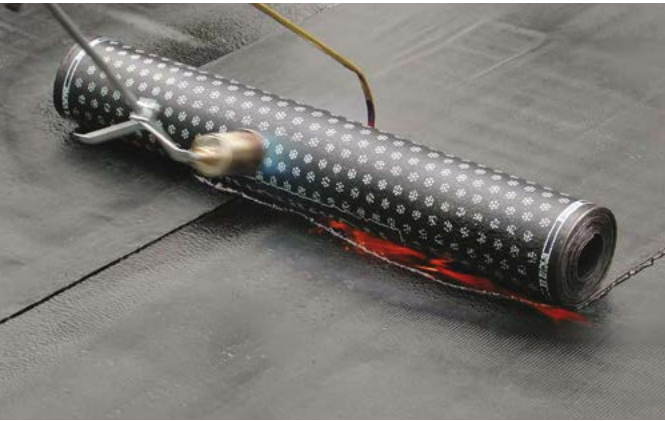
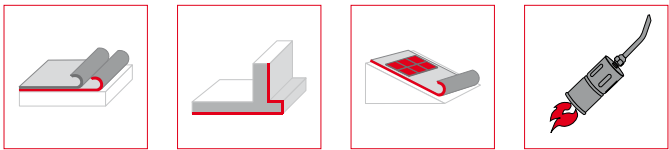
ULTRAPLAST

NGÓI LỢP VÀ MÀNG LÓT CHỐNG THẤM BITUM BIẾN TÍNH APP

Màng bitum biến tính-APP ULTRAPLAST được thiết kế để dùng trong thi công với vai trò là lớp vật liệu lót dưới cùng trong hệ thống mái lợp hai lớp trên các tòa nhà và công trình xây dựng, để chống thấm cho nền móng và kết cấu kỹ thuật. Có thể được sử dụng làm lớp lót cho những mái lợp bitum được sử dụng trên các mái nhà dốc. Dùng để xây mới hoặc sửa chữa.

Vật liệu chịu được những biến động của nhiệt độ và tải trọng cơ học lớn giúp mang lại khả năng chống thấm lâu dài, đáng tin cậy và hiệu quả. Polyme APP tăng thêm sức cản dòng giúp cho vật liệu có thể sử dụng được trong điều kiện khí hậu rất nóng.

Ở mặt dưới, màng vật liệu được bao phủ bởi một màng phim polyme với các thành phần chỉ thị bằng hình ảnh đặc biệt, sự nóng chảy của màng này cho thấy vật liệu được gia nhiệt thích hợp. Ở mặt trên, màng vật liệu được bao phủ bởi một màng phim polyme.



ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	PHƯƠNG PHÁP THỬ	ULTRAPLAST A 2 3 4 mm	ULTRAPLAST B 2 3 4 mm	ULTRAPLAST C 2 3 4 mm
Độ dày, mm	EN 1849-1	2.0±0.20 3.0±0.20 4.0±0.20		
Khối lượng trên mỗi đơn vị diện tích, kg/m²	EN 1849-1	2.8±0.28 3.8±0.38 5.1±0.48		
Chiều dài x chiều rộng, m	EN 1848-1	15 x 1 10 x 1 10 x 1		
Điểm hóa mềm, °C	ASTM D36	150±5	150±5	150±5
Tính co giãn tại nhiệt độ thấp, °C	EN 1109-1	≤-6	≤-2	≤0
Sức cản dòng khi nhiệt độ tăng lên đến, °C	EN 1110	≥120	≥120	≥120
Độ dẫn dài L / T, %	ASTM D5147	45±9 / 50±10	40±8 / 45±9	40±8 / 45±9
Độ bền kéo L / T, N/50 mm	ASTM D5147	850±170 / 650±130	750±150 / 600±120	650±130 / 400±80
Độ bền chống xé rách L / T, N	ASTM D4073	350±100 / 350±100	300±100 / 300±100	300±100 / 300±100
Vật liệu gia cường	-	polyeste	polyeste	polyeste
Thành phần phủ bảo vệ bên trên	-	màng phim polyme	màng phim polyme	màng phim polyme
Thành phần phủ bảo vệ bên dưới	-	màng phim polyme	màng phim polyme	màng phim polyme

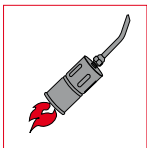
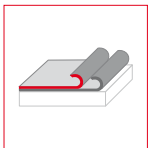
ULTRAPLAST khoáng xám

NGÓI LỢP VÀ MÀNG CAP SHEET CHỐNG THẤM BITUM BIẾN TÍNH APP

Màng bitum biến tính-APP ULTRAPLAST khoáng xám được thiết kế để dùng trong thi công với vai trò là lớp vật liệu lót trên cùng trong hệ thống mái lợp hai lớp trên các tòa nhà và công trình xây dựng. Có thể được sử dụng để xây mới hoặc sửa chữa.

Vật liệu chịu được những biến động của nhiệt độ và tải trọng cơ học lớn giúp mang lại khả năng chống thấm lâu dài, đáng tin cậy và hiệu quả. Polyme APP tăng thêm sức cản dòng giúp cho vật liệu có thể sử dụng được trong điều kiện khí hậu rất nóng.

Ở mặt dưới, màng vật liệu được bao phủ bởi một màng phim polyme với các thành phần chỉ thị bằng hình ảnh đặc biệt, sự nóng chảy của màng này cho thấy vật liệu được gia nhiệt thích hợp. Ở mặt trên, màng vật liệu được bao phủ bởi một lớp đá phiến có cỡ hạt lớn với phương pháp xử lý bề mặt bằng lớp phủ kỵ nước đặc biệt nhằm bảo vệ vật liệu khỏi bị hư hại bởi bức xạ tia cực tím trong suốt thời gian sử dụng của màng.



ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	PHƯƠNG PHÁP THỬ	ULTRAPLAST A 3 4 mm khoáng xám	ULTRAPLAST B 3 4 mm khoáng xám	ULTRAPLAST C 3 mm khoáng xám
Độ dày, mm	EN 1849-1	3.0±0.20 4.0±0.20	3.0±0.20 4.0±0.20	3.0±0.20
Khối lượng trên mỗi đơn vị diện tích, kg/m²	EN 1849-1	3.8±0.38 5.1±0.48	3.8±0.38 5.1±0.48	3.8±0.38
Chiều dài x chiều rộng, m	EN 1848-1	10 x 1	10 x 1	10 x 1
Điểm hóa mềm, °C	ASTM D36	150±5	150±5	150±5
Tính co giãn tại nhiệt độ thấp, °C	EN 1109-1	≤-6	≤-2	≤0
Sức cản dòng khi nhiệt độ tăng lên đến, °C	EN 1110	≥120	≥120	≥120
Độ dẫn dài L / T, %	ASTM D5147	45±9 / 50±10	40±8 / 45±9	40±8 / 45±9
Độ bền kéo L / T, N/50 mm	ASTM D5147	850±170 / 650±130	750±150 / 600±120	650±130 / 400±80
Độ bền chống xé rách L / T, N	ASTM D4073	350±100 / 350±100	300±100 / 300±100	300±100 / 300±100
Vật liệu gia cường	-	polyeste	ppolyeste	polyeste
Thành phần phủ bảo vệ bên trên	-	đá phiến cỡ hạt lớn	đá phiến cỡ hạt lớn	đá phiến cỡ hạt lớn
Thành phần phủ bảo vệ bên dưới	-	màng phim polyme	màng phim polyme	màng phim polyme

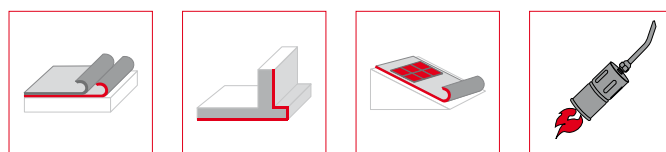
ULTRAFLEX

NGÓI LỢP VÀ MÀNG LÓT CHỐNG THẤM BITUM BIẾN TÍNH SBS

Màng bitum biến tính-SBS ULTRAFLEX được thiết kế để dùng trong thi công với vai trò là lớp vật liệu lót dưới cùng trong hệ thống mái lợp hai lớp trên các tòa nhà và công trình xây dựng, để chống thấm cho nền móng và kết cấu kỹ thuật. Có thể được sử dụng làm lớp lót cho tấm lợp bitum trên các mái nhà dốc. Dùng để xây mới hoặc sửa chữa.

Vật liệu chịu được những biến động của nhiệt độ và tải trọng cơ học lớn giúp mang lại khả năng chống thấm lâu dài, đáng tin cậy và hiệu quả. Polyme SBS tăng cường thêm về độ dẻo dai và khả năng chịu tải trọng động.

Ở mặt dưới, vật liệu được bao phủ bởi một màng phim polyme bao gồm các thành phần chỉ thị bằng hình ảnh đặc biệt, sự nóng chảy của màng này cho thấy vật liệu được gia nhiệt thích hợp. Ở mặt trên, màng vật liệu được bao phủ bởi một màng phim polyme.



ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	PHƯƠNG PHÁP THỬ	ULTRAFLEX A 2 mm	ULTRAFLEX A 3 mm	ULTRAFLEX A 4 mm
Độ dày, mm	EN 1849-1	2.0±0.20	3.0±0.20	4.0±0.20
Khối lượng trên mỗi đơn vị diện tích, kg/m ²	EN 1849-1	2.8±0.28	3.8±0.38	5.1±0.48
Chiều dài x chiều rộng, m	EN 1848-1	15 x 1	10 x 1	10 x 1
Điểm hóa mềm, °C	ASTM D36	≥120	≥120	≥120
Tính co giãn tại nhiệt độ thấp, °C	EN 1109-1	≤-10	≤-10	≤-10
Sức cản dòng khí nhiệt độ tăng lên đến, °C	EN 1110	≥100	≥100	≥100
Độ dẫn dài L / T, %	ASTM D5147	45±9 / 50±10	45±9 / 50±10	45±9 / 50±10
Độ bền kéo L / T, N/50 mm	ASTM D5147	850±170 / 650±130	850±170 / 650±130	850±170 / 650±130
Độ bền chống xé rách L / T, N	ASTM D4073	350±100 / 350±100	350±100 / 350±100	350±100 / 350±100
Vật liệu gia cường	-	polyeste	polyeste	polyeste
Thành phần phủ bảo vệ bên trên	-	màng phim polyme	màng phim polyme	màng phim polyme
Thành phần phủ bảo vệ bên dưới	-	màng phim polyme	màng phim polyme	màng phim polyme

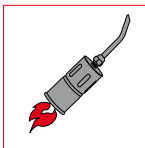
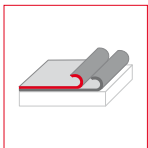
ULTRAFLEX khoáng xám

NGÓI LỢP VÀ MÀNG CAP SHEET CHỐNG THẤM BITUM BIẾN TÍNH SBS

Màng bitum biến tính-SBS ULTRAFLEX khoáng xám được thiết kế để dùng trong thi công với vai trò là lớp vật liệu lót trên cùng trong hệ thống mái lợp hai lớp trên các tòa nhà và công trình xây dựng. Có thể được sử dụng để xây mới hoặc sửa chữa.

Vật liệu có khả năng chống chịu những biến động của nhiệt độ và các tải trọng cơ học lớn giúp mang lại khả năng chống thấm lâu dài, đáng tin cậy và hiệu quả. Polyme SBS tăng cường thêm về độ dẻo dai và khả năng chịu tải trọng động.

Ở mặt dưới, màng vật liệu được bao phủ bởi một màng phim polyme với các thành phần chỉ thị bằng hình ảnh đặc biệt, sự nóng chảy của màng này cho thấy vật liệu được gia nhiệt thích hợp. Ở mặt trên, màng vật liệu được bao phủ bởi một lớp đá phiến có cỡ hạt lớn với phương pháp xử lý bề mặt bằng lớp phủ kỵ nước đặc biệt nhằm bảo vệ vật liệu khỏi bị hư hại bởi bức xạ tia cực tím trong suốt thời gian sử dụng của màng.

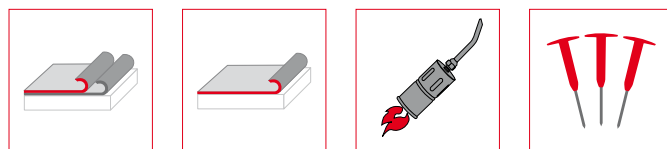
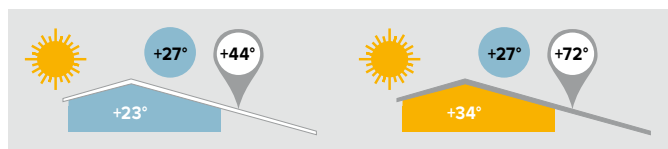


ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	PHƯƠNG PHÁP THỬ	ULTRAFLEX A 3 mm khoáng xám	ULTRAFLEX A 4 mm khoáng xám
Độ dày, mm	EN 1849-1	3.0±0.20	4.0±0.20
Khối lượng trên mỗi đơn vị diện tích, kg/m²	EN 1849-1	3.8±0.38	5.1±0.48
Chiều dài x chiều rộng, m	EN 1848-1	10 x 1	10 x 1
Điểm hóa mềm, °C	ASTM D36	≥120	≥120
Tính co giãn tại nhiệt độ thấp, °C	EN 1109-1	≤-10	≤-10
Sức cản dòng khi nhiệt độ tăng lên đến, °C	EN 1110	≥100	≥100
Độ dẫn dài L / T, %	ASTM D5147	45±9 / 50±10	45±9 / 50±10
Độ bền kéo L / T, N/50 mm	ASTM D5147	850±170 / 650±130	850±170 / 650±130
Độ bền chống xé rách L / T, N	ASTM D4073	350±100 / 350±100	350±100 / 350±100
Vật liệu gia cường	-	polyeste	polyeste
Thành phần phủ bảo vệ bên trên	-	đá phiến cỡ hạt lớn	đá phiến cỡ hạt lớn
Thành phần phủ bảo vệ bên dưới	-	màng phim polyme	màng phim polyme

TECHNONICOL ENVIRO WHITE

NGÓI LỢP VÀ MÀNG FOR COOL ROOF CONSTRUCTION CHỐNG THẤM BITUM BIẾN TÍNH SBS DÙNG TRONG THI CÔNG MÁI PHẢN XẠ NHIỆT

TECHNONICOL ENVIRO WHITE là mái lợp và màng chống thấm bitum biến tính-SBS, cho phép đạt được hiệu ứng của “mái nhà phản xạ nhiệt” nhờ tác dụng của đá phiến trắng có khả năng phản xạ tốt ánh sáng từ mặt trời và được sử dụng làm lớp bảo vệ trên cùng. Do đó, mái nhà sẽ không hấp thụ nhiệt và các vị trí khác dưới mái nhà (gác mái hoặc buồng sinh hoạt) giữ được nhiệt độ dễ chịu. Việc sử dụng vật liệu giúp giảm 10-30% chi phí năng lượng tiêu tốn cho việc sử dụng điều hòa để làm mát các vị trí dưới mái nhà và tăng thời gian sử dụng cho mái nhà. Được thiết kế để dùng trong thi công với vai trò như lớp vật liệu trên cùng trong hệ thống mái lợp hai lớp hoặc sử dụng như màng lợp polyme-bitum một lớp trên các tòa nhà và công trình xây dựng. Có thể dùng để xây mới hoặc sửa chữa.



ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	PHƯƠNG PHÁP THỬ	TECHNONICOL ENVIRO WHITE
Độ dày, mm	EN 1849-1	4.0±0.10
Khối lượng trên mỗi đơn vị diện tích, kg/m ²	EN 1849-1	5.0±0.25
Chiều dài x chiều rộng, m	EN 1848-1	8 x 1
Điểm hóa mềm, °C	ASTM D36	≥120
Tính co giãn tại nhiệt độ thấp, °C	EN 1109-1	≤-25
Sức cản dòng khí nhiệt độ tăng lên đến, °C	EN 1110	≥100
Độ dẫn dài L / T, %	ASTM D5147	50±25 / 50±25
Độ bền kéo L / T, N/50 mm	ASTM D5147	700±100 / 500±100
Độ bền chống xé rách L / T, N	ASTM D4073	180±30 / 180±30
Vật liệu gia cường	-	polyeste
Thành phần phủ bảo vệ bên trên	-	đá phiến trắng cỡ hạt lớn
Thành phần phủ bảo vệ bên dưới	-	màng phim polyme

TECHNONICOL ENVIRO AIR

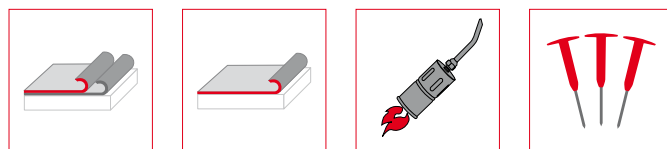
NGÓI LỢP VÀ MÀNG CHỐNG THẤM BITUM BIẾN TÍNH SBS DÙNG ĐỂ GIẢM THIỂU Ô NHIỄM KHÔNG KHÍ

TECHNONICOL ENVIRO AIR là mái lợp và màng chống thấm bitum biến tính-SBS với tính năng đặc biệt giúp tinh lọc không khí khỏi các thành phần oxit nitơ có hại (NO_x). Đá phiến với bề mặt kỵ nước được sử dụng như lớp bảo vệ trên cùng được bao phủ bằng titan dioxit (TiO_2) và các chất phụ gia đặc biệt.

Được thiết kế để dùng trong thi công với vai trò là lớp trên cùng trong hệ thống mái lợp hai lớp hoặc dùng làm màng lợp polyme-bitum một lớp trên các tòa nhà và công trình xây dựng. Có thể dùng để xây mới hoặc sửa chữa.

Vật liệu lợp TECHNONICOL ENVIRO AIR có những ưu điểm sau:

- Tác động tích cực đến việc giảm khí độc NO_x trong không khí;
- Lớp sơn phủ giúp bảo vệ vật liệu chống lại sự xâm nhập của bức xạ từ tia UV và sự phá hủy đối với hợp chất bitum;
- Góp phần loại bỏ các chất hữu cơ gây ô nhiễm trên bề mặt (phân chim, bào tử nấm, vi khuẩn).



ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	PHƯƠNG PHÁP THỬ	TECHNONICOL ENVIRO AIR
Độ dày, mm	EN 1849-1	4.0±0.10
Khối lượng trên mỗi đơn vị diện tích, kg/m ²	EN 1849-1	5.0±0.25
Chiều dài x chiều rộng, m	EN 1848-1	8 x 1
Điểm hóa mềm, °C	ASTM D36	≥120
Tính co giãn tại nhiệt độ thấp, °C	EN 1109-1	≤-25
Sức cản dòng khí nhiệt độ tăng lên đến, °C	EN 1110	≥100
Độ dẫn dài L / T, %	ASTM D5147	50±25 / 50±25
Độ bền kéo L / T, N/50 mm	ASTM D5147	700±100 / 500±100
Độ bền chống xé rách L / T, N	ASTM D4073	180±30 / 180±30
Vật liệu gia cường	-	polyeste
Thành phần phủ bảo vệ bên trên	-	đá phiến cỡ hạt lớn bao gồm các phụ gia đặc biệt
Thành phần phủ bảo vệ bên dưới	-	màng phim polyme

TECHNONICOL ENVIRO FOREST

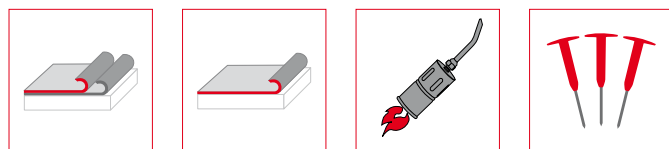
NGÓI LỢP VÀ MÀNG CHỐNG THẤM BITUM BIẾN TÍNH SBS DÙNG ĐỂ NGĂN TÌNH TRẠNG MỘC RÊU VÀ SỰ PHÁT TRIỂN KHÔNG MONG MUỐN TỪ THỰC VẬT

TECHNONICOL ENVIRO FOREST là mái lợp và màng chống thấm bitum biến tính-SBS bao gồm đá phiến lớp, được phủ bằng các chất phụ gia đặc biệt giúp ngăn chặn sự phát triển quá mức của rêu và thảm thực vật mọc trên mái bằng. Đá phiến có chứa các nguyên tố đồng cùng với đặc tính chống nấm mốc. Trong điều kiện trời mưa hoặc sương, vật liệu này bổ sung thêm chất dinh dưỡng cho nước bằng các ion đồng và ức chế sự nảy mầm của rêu.

Được thiết kế để dùng trong thi công với vai trò là lớp vật liệu trên cùng trong hệ thống mái lợp hai lớp hoặc sử dụng như màng lợp polyme-bitum một lớp trên các tòa nhà và công trình xây dựng. Có thể được sử dụng để xây mới hoặc sửa chữa.

Vật liệu lợp TECHNONICOL ENVIRO FOREST có những ưu điểm sau:

- ức chế sự phát triển của rêu và địa y trên mái bằng;
- chi phí vận hành của công trình dùng để bảo trì mái nhà;
- có kiểu màu đồng độc đáo;
- duy trì hình thức thẩm mỹ của mái nhà.



ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	PHƯƠNG PHÁP THỬ	TECHNONICOL ENVIRO FOREST
Độ dày, mm	EN 1849-1	4.0±0.10
Khối lượng trên mỗi đơn vị diện tích, kg/m ²	EN 1849-1	5.0±0.25
Chiều dài x chiều rộng, m	EN 1848-1	8 x 1
Điểm hóa mềm, °C	ASTM D36	≥120
Tính co giãn tại nhiệt độ thấp, °C	EN 1109-1	≤-25
Sức cản dòng khí nhiệt độ tăng lên đến, °C	EN 1110	≥100
Độ dẫn dài L / T, %	ASTM D5147	50±25 / 50±25
Độ bền kéo L / T, N/50 mm	ASTM D5147	700±100 / 500±100
Độ bền chống xé rách L / T, N	ASTM D4073	180±30 / 180±30
Vật liệu gia cường	-	polyeste
Thành phần phủ bảo vệ bên trên	-	đá phiến cỡ hạt lớn bao gồm các phụ gia đặc biệt
Thành phần phủ bảo vệ bên dưới	-	màng phim polyme

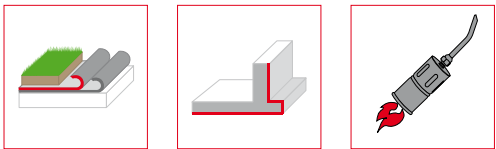
ULTRAFLEX GREEN

NGÓI LỢP VÀ MÀNG CHỐNG THẤM BITUM BIẾN TÍNH SBS DÙNG TRONG THI CÔNG MÁI NHÀ XANH

Màng bitum biến tính-SBS ULTRAFLEX GREEN được thiết kế để chống thấm cho mái nhà xanh và kết cấu kỹ thuật ngầm. Vật liệu này có thêm lớp bảo vệ cơ học bên trên, giúp nó có khả năng chống lại những hư hại do rễ cây gây ra và đảm bảo khả năng chống thấm đáng tin cậy. Hợp chất hóa học đặc biệt giúp ngăn chặn sự xâm nhập của rễ cây, nhưng đồng thời không có tác động tiêu cực đến cây trồng hoặc môi trường.

ULTRAFLEX GREEN có thể được sử dụng cả trong thi công mái nhà xanh và chống thấm cho nền móng với thêm khả năng bảo vệ mái nhà khỏi sự xâm nhập của những rễ cây lân cận.

Mái nhà xanh giúp giảm bớt chi phí năng lượng, tăng giá trị nhà đất và tuổi thọ của mái nhà, đóng vai trò như một lớp cách âm. Nó cũng tạo ra cảnh quan và không gian giải trí hấp dẫn về mặt thẩm mỹ, tăng tính đa dạng sinh học trong khu vực đô thị, điều hòa nhiệt độ và độ ẩm trong tòa nhà và môi trường, làm sạch không khí và nước mưa. Việc xây dựng mái nhà xanh có thể được chính phủ hỗ trợ thông qua trợ cấp hoặc giảm thuế.



ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	PHƯƠNG PHÁP THỬ	ULTRAFLEX GREEN
Độ dày, mm	EN 1849-1	3.3±0.20
Khối lượng trên mỗi đơn vị diện tích, kg/m²	EN 1849-1	4.0±0.25
Chiều dài x chiều rộng, m	EN 1848-1	10 x 1
Điểm hóa mềm, °C	ASTM D36	≥120
Tính co giãn tại nhiệt độ thấp, °C	EN 1109-1	≤-25
Sức cản dòng khí nhiệt độ tăng lên đến, °C	EN 1110	≥100
Độ dẫn dài L / T, %	ASTM D5147	50±25 / 50±25
Độ bền kéo L / T, N/50 mm	ASTM D5147	700±100 / 500±100
Độ bền chống xé rách L / T, N	ASTM D4073	180±30 / 180±30
Vật liệu gia cường	-	polyeste
Thành phần phủ bảo vệ bên trên	-	màng phim polyme dày
Thành phần phủ bảo vệ bên dưới	-	màng phim polyme

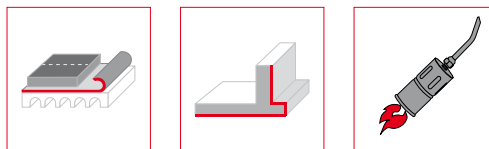
ULTRAPLAST BRIDGE

MÀNG CHỐNG THẤM BITUM BIẾN TÍNH APP DÙNG TRONG THI CÔNG CẦU GIAO THÔNG VÀ CẦU VƯỢT

Màng bitum biến tính-APP ULTRAPLAST BRIDGE được thiết kế để chống thấm cho bản thép trực hướng và (MQ) tấm bê tông cốt thép của mặt đường khi bê tông nhựa đường (với nhiệt độ lên đến +220°C) được đổ trực tiếp lên lớp chống thấm. Cũng có thể được sử dụng như màng chống thấm một lớp cho nền móng.

ULTRAPLAST BRIDGE là vật liệu chống thấm được sản xuất bằng cách đặt hai mặt của chất kết dính bitum polymer chất lượng cao đặc biệt lên trên nền polyester cường độ cao. Vật liệu có tính chất cơ lý tốt nhất và có thể chịu được nhiệt độ rất cao.

Ở mặt dưới, màng vật liệu được bao phủ bởi một màng phim polyme với các thành phần chỉ thị bằng hình ảnh đặc biệt, sự nóng chảy của màng này cho thấy vật liệu được gia nhiệt thích hợp. Ở mặt trên, màng vật liệu được bao phủ bởi lớp cát hạt mịn.



ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	PHƯƠNG PHÁP THỬ	ULTRAPLAST BRIDGE
Độ dày, mm	EN 1849-1	5.2±0.10
Khối lượng trên mỗi đơn vị diện tích, kg/m ²	EN 1849-1	5.8±0.25
Chiều dài x chiều rộng, m	EN 1848-1	8 x 1
Điểm hóa mềm, °C	ASTM D36	≥150
Tính co giãn tại nhiệt độ thấp, °C	EN 1109-1	≤-25
Sức cản dòng khi nhiệt độ tăng lên đến, °C	EN 1110	≥140
Độ dẫn dài L / T, %	ASTM D5147	≥40 / ≥40
Độ bền kéo L / T, N/50 mm	ASTM D5147	≥1000 / ≥900
Độ bền chống xé rách L / T, N	ASTM D4073	-
Vật liệu gia cường	-	polyeste
Thành phần phủ bảo vệ bên trên	-	cát hạt mịn
Thành phần phủ bảo vệ bên dưới	-	màng phim polyme

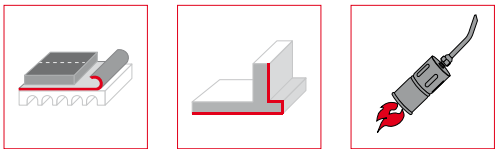
ULTRAFLEX BRIDGE

MÀNG CHỐNG THẤM BITUM BIẾN TÍNH SBS DÙNG TRONG THI CÔNG CẦU GIAO THÔNG VÀ CẦU VƯỢT

Màng bitum biến tính-SBS ULTRAFLEX BRIDGE được thiết kế để chống thấm cho bản bê tông cốt thép của mặt đường trên các cầu giao thông và các công trình giao thông khác. Cũng có thể được sử dụng để chống thấm cho nền móng.

ULTRAFLEX BRIDGE là vật liệu chống thấm được sản xuất bằng cách đặt hai mặt của chất kết dính polyme-bitum chất lượng cao lên trên nền polyester. Vật liệu này có thêm các tính chất về độ bền và khả năng chịu các tác động nhờ công thức hóa học đặc biệt của chất kết dính polyme bitum và độ dày được tăng thêm của màng.

Ở mặt dưới, màng vật liệu được bao phủ bởi một màng phim polyme với các thành phần chỉ thị bằng hình ảnh đặc biệt, sự nóng chảy của màng này cho thấy vật liệu được gia nhiệt thích hợp. Ở mặt trên, màng vật liệu được bao phủ bởi lớp cát hạt mịn.



ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	PHƯƠNG PHÁP THỬ	ULTRAFLEX BRIDGE
Độ dày, mm	EN 1849-1	5.0±0.20
Khối lượng trên mỗi đơn vị diện tích, kg/m ²	EN 1849-1	6.4±0.25
Chiều dài x chiều rộng, m	EN 1848-1	8 x 1
Điểm hóa mềm, °C	ASTM D36	≥110
Tính co giãn tại nhiệt độ thấp, °C	EN 1109-1	≤-25
Sức cản dòng khi nhiệt độ tăng lên đến, °C	EN 1110	≥100
Độ dẫn dài L / T, %	ASTM D5147	≥40 / ≥40
Độ bền kéo L / T, N/50 mm	ASTM D5147	≥600 / ≥600
Độ bền chống xé rách L / T, N	ASTM D4073	-
Vật liệu gia cường	-	polyeste
Thành phần phủ bảo vệ bên trên	-	cát hạt mịn
Thành phần phủ bảo vệ bên dưới	-	màng phim polyme

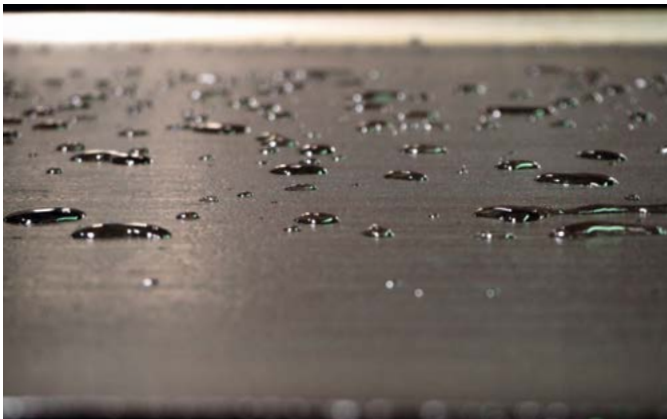
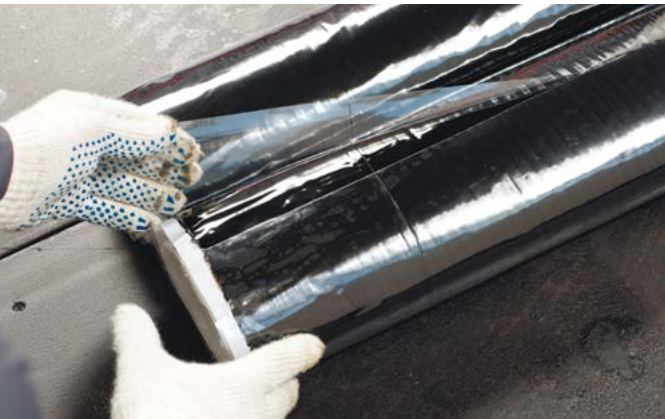
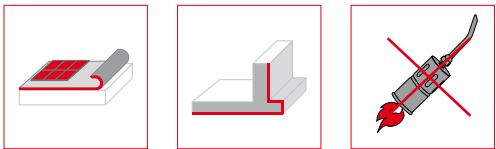
ULTRAFLEX SA NB

MÀNG TỰ DÍNH BITUM BIẾN TÍNH SBS KHÔNG BAO GỒM VẬT LIỆU GIA CƯỜNG DÙNG ĐỂ CHỐNG THẤM NƯỚC MÀ KHÔNG CẦN ĐẾN BIỆN PHÁP KHÒ NHIỆT KHI THI CÔNG

Màng tự dính bitum biến tính-SBS không bao gồm vật liệu gia cường ULTRAFLEX SA NB được thiết kế để chống thấm cho nền móng và các kết cấu công trình, chống thấm trong nhà. Vật liệu này được sản xuất bằng cách đặt một chất kết dính polyme-bitum tự dính đặc biệt lên một màng polyme dày bao phủ màng vật liệu bên trên. Mặt khác của màng vật liệu được phủ một lớp màng phim bảo vệ có thể tháo rời. Không bao gồm chất dẫn là đặc tính chính của loại vật liệu này khiến nó rất đàn hồi và dẻo dai.

Màng vật liệu chống thấm ULTRAFLEX SA NB có những ưu điểm sau:

- có thể được sử dụng trên các bề mặt bị cấm sử dụng phương pháp khô nhiệt tiêu chuẩn (mặt nền bằng gỗ, xốp XPS, v.v.);
- tốc độ thi công nhanh;
- không cần thêm bất kỳ thiết bị và kỹ năng thi công khác;
- thi công an toàn và tiết kiệm chi phí – màng được thi công lắp đặt mà không cần sử dụng khí đốt và lửa;
- có thể dùng để chống thấm trong nhà tại khu vực kín.



ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	PHƯƠNG PHÁP THỬ	ULTRAFLEX SA NB
Độ dày, mm	EN 1849-1	1.5±0.10
Khối lượng trên mỗi đơn vị diện tích, kg/m²	EN 1849-1	1.5±0.25
Chiều dài x chiều rộng, m	EN 1848-1	20 x 1
Điểm hóa mềm, °C	ASTM D36	≥100
Tính co giãn tại nhiệt độ thấp, °C	EN 1109-1	≤-15
Sức cản dòng khi nhiệt độ tăng lên đến, °C	EN 1110	≥85
Độ dẫn dài L / T, %	ASTM D5147	≥200 / ≥200
Xác định khả năng chống cắt của khớp, kN/m	EN 12317-1	≥2.0
Peel sức đề kháng của khớp: chống chéo để chống chéo / chống lên phim, N / 50mm	EN 12316-1	- / ≥25
Vật liệu gia cường	-	không chứa chất nền
Thành phần phủ bảo vệ bên trên	-	màng phim polyme dày
Thành phần phủ bảo vệ bên dưới	-	màng phim chống dính

ULTRAFLEX SA NBS

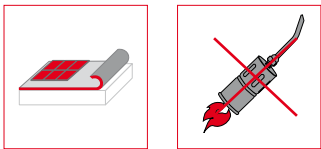
MÀNG TỰ DÍNH BITUM BIẾN TÍNH SBS KHÔNG ĐƯỢC GIA CỐ ĐỂ CHỐNG THẤM TRONG NHÀ

Tự dính không gia cố sbs-sửa đổi màng bitum ULTRAFLEX SA NBS với spunbond như lớp bảo vệ trên cùng được thiết kế để chống thấm trong nhà.

Vật liệu được sản xuất bằng cách đặt một chất kết dính tự dính đặc biệt trên một spunbond bao phủ vật liệu lên trên. Mặt còn lại của vật liệu được phủ một lớp màng bảo vệ có thể tháo rời.

Vật liệu chống thấm ULTRAFLEX SA NBS có những ưu điểm sau:

- được sử dụng để chống thấm trong nhà với việc lắp đặt trực tiếp gạch men lên vật liệu mà không cần lớp vữa xi măng cát bảo vệ;
- tốc độ ứng dụng cao;
- ứng dụng an toàn và giá rẻ – màng được áp dụng mà không cần sử dụng khí và ngọn lửa;
- không cần bất kỳ thiết bị và kỹ năng bổ sung nào;
- phương pháp ứng dụng lạnh ngăn khói, mùi và tiếng ồn và làm cho nó phù hợp cho các công trình trong nhà.



ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	PHƯƠNG PHÁP THỬ	ULTRAFLEX SA NBS
Độ dày, mm	EN 1849-1	1.5±0.10
Khối lượng trên mỗi đơn vị diện tích, kg/m²	EN 1849-1	1.5±0.25
Chiều dài x chiều rộng, m	EN 1848-1	20 x 1
Điểm hóa mềm, °C	ASTM D36	≥100
Tính co giãn tại nhiệt độ thấp, °C	EN 1109-1	≤-15
Sức cản dòng khi nhiệt độ tăng lên đến, °C	EN 1110	≥85
Độ dẫn dài L / T, %	ASTM D5147	≥200 / ≥200
Xác định khả năng chống cắt của khớp, kN/m	EN 12317-1	≥2.0
Peel sức đề kháng của khớp: chống chéo để chống chéo / chống lên phim, N / 50mm	EN 12316-1	≥25 / -
Vật liệu gia cường	-	không chứa chất nền
Thành phần phủ bảo vệ bên trên	-	spunbond
Thành phần phủ bảo vệ bên dưới	-	màng phim chống dính

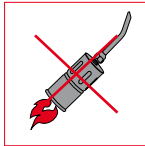
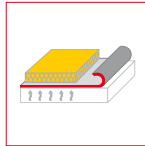
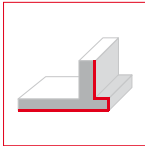
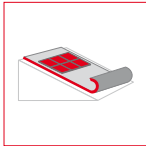
ULTRAFLEX SA

MÀNG TỰ DÍNH BITUM BIẾN TÍNH SBS ĐƯỢC GIA CƯỜNG BẰNG POLYESTE DÙNG ĐỂ CHỐNG THẤM NƯỚC MÀ KHÔNG CẦN ĐẾN BIỆN PHÁP KHÒ NHIỆT KHI THI CÔNG

Màng tự dính bitum biến tính-SBS được gia cường bằng polyeste ULTRAFLEX SA được thiết kế để hoàn thiện quá trình thi công một cách an toàn. Nó được sử dụng để làm lớp vật liệu lót đặt trên những mái nhà dốc và hoạt động như màng ngăn hơi nước. Cũng có thể được sử dụng để chống thấm cho nền móng và các kết cấu kỹ thuật. Nhờ có hợp chất bitum kết dính đặc biệt, mà vật liệu này có thể được sử dụng trên các bề mặt bị cấm sử dụng phương pháp khô nhiệt tiêu chuẩn (trên mặt nền bằng polystyren giãn nở/đùn ép hoặc mặt nền bằng gỗ).

Màng vật liệu chống thấm ULTRAFLEX SA có những ưu điểm sau:

- độ bền được tăng thêm nhờ vật liệu gia cường bằng polyeste;
- có thể được sử dụng trên các mặt nền bị cấm sử dụng phương pháp khô nhiệt tiêu chuẩn (trên mặt nền bằng gỗ, xốp XPS, v.v.);
- tốc độ thi công nhanh;
- thi công an toàn và tiết kiệm chi phí – màng được thi công lắp đặt mà không cần sử dụng khí đốt và lửa;
- không cần thêm bất kì thiết bị và kỹ năng thi công khác;
- phương pháp ứng dụng lạnh giúp ngăn khói, mùi và tiếng ồn..



ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	PHƯƠNG PHÁP THỬ	ULTRAFLEX SA 1.5 mm	ULTRAFLEX SA 2.0 mm
màng phim polyme và cát	EN 1849-1	1.5±0.20	2.0±0.20
Khối lượng trên mỗi đơn vị diện tích, kg/m²	EN 1849-1	1.8±0.20	2.3±0.20
Chiều dài x chiều rộng, m	EN 1848-1	20 x 1	20 x 1
Điểm hóa mềm, °C	ASTM D36	≥100	≥100
Tính co giãn tại nhiệt độ thấp, °C	EN 1109-1	≤-20	≤-20
Sức cản dòng khi nhiệt độ tăng lên đến, °C	EN 1110	≥90	≥90
Độ dẫn dài L / T, %	ASTM D5147	35±20 / 45±20	35±20 / 45±20
Độ bền kéo L / T, N/50 mm	ASTM D5147	400±100 / 300±100	400±100 / 300±100
Peel sức đề kháng của khớp: chống chéo để chống chéo / chống lên phim, N / 50mm	EN 12316-1	≥40 / ≥20	≥60 / ≥30
Vật liệu gia cường	-	polyeste	polyeste
Thành phần phủ bảo vệ bên trên	-	màng phim polyme và cát	màng phim polyme và cát
Thành phần phủ bảo vệ bên dưới	-	màng phim chống dính	màng phim chống dính

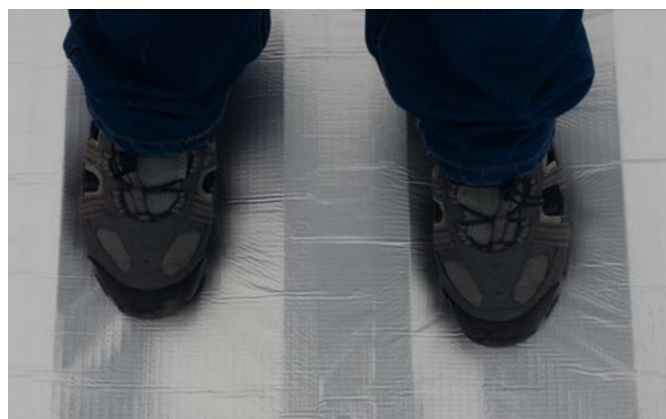
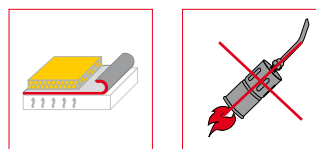
VAPORSTOP CA 500

MÀNG TỰ DÍNH BITUM BIẾN TÍNH SBS DÙNG ĐỂ NGĂN ẨM GÂY RA DO HƠI NƯỚC

Màng bitum biến tính-SBS được gia cường thêm độ dẻo dai VAPORSTOP CA 500 được sử dụng làm màng ngăn hơi nước hiệu suất cao dùng trong các hệ thống chống thấm cho mái nhà. Vật liệu này được sản xuất trên nền của một chất dẫn bằng lưới thủy tinh được bao phủ bởi chất kết dính bằng bitum tự dính biến tính-SBS. Màng được bảo vệ ở mặt dưới bằng một lớp màng phim silicon có thể tháo rời dễ dàng, trong khi bề mặt trên được phủ bằng lá nhôm.

Màng ngăn hơi nước VAPORSTOP CA 500 có những ưu điểm sau:

- mang đến khả năng ngăn hơi nước rất hiệu quả;
- độ bền kéo cao giúp cho người thi công có thể dẫm lên màng vật liệu trong quá trình lắp đặt;
- các tính chất bám dính đáng tin cậy ngăn không cho màng vật liệu bị xô dịch và làm cho nó không thể bị hư hại trước tải trọng từ gió thổi;
- tốc độ thi công nhanh;
- không cần thêm bất kì thiết bị và kỹ năng thi công khác;
- khả năng chống cháy đột ngột;
- tính sửa chữa cao.



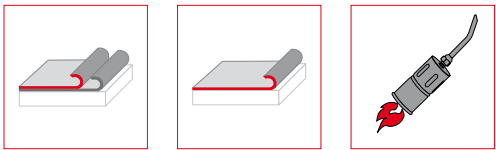
ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	PHƯƠNG PHÁP THỬ	VAPORSTOP CA 500
Khối lượng trên mỗi đơn vị diện tích, kg/m ²	EN 1849-1	0.5±0.1
Chiều dài x chiều rộng, m	EN 1848-1	50 x 1.08
Điểm hóa mềm, °C	ASTM D36	≥110
Tính co giãn tại nhiệt độ thấp, °C	EN 1109-1	≤-25
Sức cản dòng khi nhiệt độ tăng lên đến, °C	EN 1110	≥90
Độ dẫn dài L / T, %	ASTM D5147	≥2.0 / ≥2.0
Độ bền kéo L / T, N/50 mm	ASTM D5147	600±120 / 600±120
Xác định khả năng chống cắt của khớp, kN/m	EN 12317-1	≥1.5
Peel sức đề kháng của khớp: chống chéo để chống chéo / chống lên phim, N / 50mm	EN 12316-1	≥50
Vật liệu gia cường	-	lưới thủy tinh
Thành phần phủ bảo vệ bên trên	-	lá nhôm
Thành phần phủ bảo vệ bên dưới	-	màng phim chống dính

NGÓI LỢP TRANG TRÍ VÀ MÀNG CHỐNG THẤM BITUM BIẾN TÍNH APP

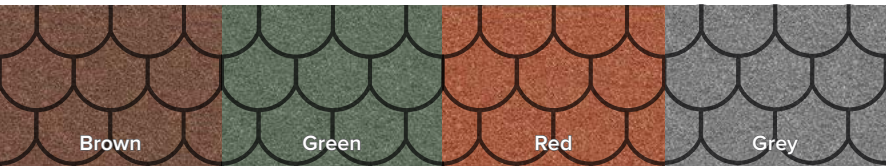
EASYROOFING được thiết kế để dùng trong thi công bằng phương pháp khô nhiệt và được sử dụng làm lớp vật liệu trên cùng trong hệ thống mái lợp hai lớp của mái nhà dốc và mái bằng. Cũng có thể được sử dụng như mái nhà một lớp trong các hệ thống mái nhà có mặt nền cứng chống cháy. Vật liệu này được áp dụng với độ dốc mái từ 1° đến 60°. Các hạt đá màu bazan không bị phai màu dưới tác động của ánh nắng mặt trời và không bị nước mưa rửa trôi, mang đến hình thức thẩm mỹ đẹp mắt và sự bảo vệ đáng tin cậy cho hợp chất bitum khỏi tia cực tím trong suốt thời gian sử dụng ít nhất là 25 năm. Màng EASYROOFING với các họa tiết và màu sắc khác nhau sẽ không chỉ làm sinh động cho mái nhà với nét hoàn thiện trang nhã, mà còn bảo vệ cho các khu vực bên trong nhà khỏi những hiện tượng rò rỉ và giảm tiếng ồn của mưa.



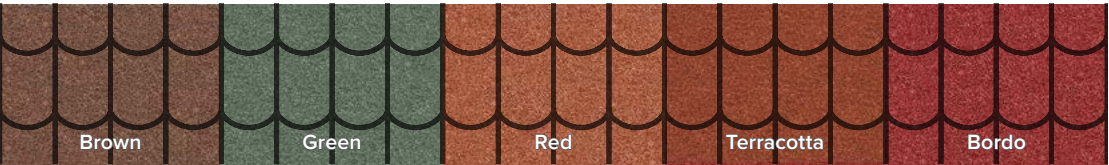
BỘ SƯU TẬP: BRICK



BỘ SƯU TẬP: BEAVER TAIL



BỘ SƯU TẬP: TILES



ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	PHƯƠNG PHÁP THỬ	EASYROOFING
Độ dày, mm	EN 1849-1	3.2±0.20
Khối lượng trên mỗi đơn vị diện tích, kg/m²	EN 1849-1	4.5±0.20
Chiều dài x chiều rộng, m	EN 1848-1	8 x 1
Điểm hóa mềm, °C	ASTM D36	150±5
Tính co giãn tại nhiệt độ thấp, °C	EN 1109-1	≤0
Sức cản dòng khi nhiệt độ tăng lên đến, °C	EN 1110	≥130
Độ dẫn dài L / T, %	ASTM D5147	35±20 / 35±20
Độ bền kéo L / T, N/50 mm	ASTM D5147	650±150 / 400±150
Độ bền chống xé rách L / T, N	ASTM D4073	300±100 / 300±100
Vật liệu gia cường	-	polyeste
Thành phần phủ bảo vệ bên trên	-	các thành phần hạt màu bazan nhỏ
Thành phần phủ bảo vệ bên dưới	-	màng phim polyme

TECHNONICOL Vietnam

For Sales & TECHNICAL Support:
tech.support@technicol.vn
info@technicol.vn



WWW.TECHNONICOL.VN